TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 161/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Sơn.
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐST –HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Thúy H, sinh năm 1976. Địa chỉ: 14/4 ấp QAH, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Trương Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: 14/4 ấp QAH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Trần Thị Thúy H trình bày:

Vào năm 2003, chị và anh T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới; hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2008 anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy kết hôn vào ngày 09/9/2008. Trong thời gian chung sống anh, chị có 02 con chung tên Trương Thị H1, sinh ngày 10/4/2004 và Trương Văn H2, sinh ngày 21/3/2006; hiện 02 con chung đang sống chung với anh T. Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do trong thời gian chung sống, chị và anh T luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau và

anh, chị không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: do hai con chung có nguyện vọng sống chung với anh T nên chị đồng ý giao 02 con chung tên Trương Thị H1, sinh ngày 10/4/2004 và Trương Văn H2, sinh ngày 21/3/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trương Văn T đã được Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71, của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị H, anh T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống chị H, anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị H, anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trương Văn T có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp QAH, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng anh Tỉnh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về hôn nhân: chị Trần Thị Thúy H và anh Trương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Pvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/9/2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị H xin

ly hôn với anh T là do chị và anh T bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Xét thấy: chị H, anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ năm 2012 cho đến nay, anh T biết rõ chị H có yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[4] Về con chung: chị Trần Thị Thúy H và anh Trương Văn T có 02 con chung tên Trương Thị H1, sinh ngày 10/4/2004 và Trương Văn H2, sinh ngày 21/3/2006. Xét thấy: từ khi chị H, anh T không còn sống chung con chung do chị anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị H thừa nhận từ khi chị và anh T không còn sống chung hai con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tin thần. Đồng thời con chung tên Trương Thị H1 và Trương Văn H2 có nguyện vọng sống chung với anh T. Leõ ñoù, vieäc chị H đồng ý giao 02 con chung Trương Thị H1, sinh ngày 10/4/2004 và Trương Văn H2, sinh ngày 21/3/2006 cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Chị Trần Thị Thúy H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy H. Chị Trần Thị Thúy H được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: anh Trương Văn T được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thị H1, sinh ngày 10/4/2004 và Trương Văn H2, sinh ngày 21/3/2006. Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Trần Thị Thúy H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Trần Thị Thúy H và anh Trương Văn T có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thúy H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012095 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hòa Lợi;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ